

CHÚ ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG-GIÀ KINH

QUYỂN 4

1. *Thỉnh Như lai nói về Như:*

“Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Tuệ, cho đến thành đại tu hành”. Vì ở trên nhập ba giải thoát môn mau chứng Bồ-đề. Cho nên Đại Tuệ thỉnh Như lai nói Như. Các vị Đại Bồ-tát thực hành pháp phương tiện vô lậu.

“Phật bảo Nay Đại Tuệ! Đại Bồ-tát thành tựu, cho đến được gọi là đại tu hành”. Như lai nói đầy đủ bốn phương tiện có thể thành tựu tu hành đại phương tiện. Ở đây nêu lên bốn tên, đoạn dưới tự giải thích.

2. *Quán sát tự tâm hiện:*

“Này Đại Tuệ! Thế nào là quán sát tự tâm hiện, cho đến Quán sát tự tâm hiện như vậy”. Ở đây là nói pháp y báo, chánh báo v.v... trong ba cõi, chỉ do tự tâm huân tập tội lỗi thói quen từ vô thủy, vọng tưởng phân biệt tùy nhập mà hiện ra. Như luận Khởi Tín chép: Vì tất cả các pháp từ tâm khởi lên, vọng niệm mà sinh. Quán sát như vậy gọi là chánh quán.

“Này Đại Tuệ! Thế nào là Đại Bồ-tát lìa kiến chấp sinh trụ diệt? Cho đến chuyển sở y chỉ, được thân ý sinh”: Xa lìa kiến chấp sinh, nghĩa là giai vị mãn công dụng ở Thập địa đã xong, đối với hai thứ sinh, mà lìa được tướng kiến chấp sinh kia, chứng tánh như huyễn, trụ địa thứ tám, hiểu rõ tâm thức v.v... Được thân ý sinh, tức vô công dụng đạo giác pháp tự tánh thân ý sinh.

3. *Bồ-tát Đại Tuệ hỏi về thân ý sanh:*

“Đại Tuệ bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì gọi là thân ý sinh?” Vì Bồ-tát Địa thứ tám ở trên đã nói chuyển thức sở y tại sao lại gọi là thân ý sinh! Cho nên hỏi thân ý sinh là nhân duyên gì?

“Phật bảo Nay Đại Tuệ! Thân ý sinh... cho đến xa lìa kiến chấp đối với sinh trụ diệt”. Vì ý có ba nghĩa cho nên lấy ý làm ví dụ: 1. Nhanh chóng. 2. Vô ngại. 3. Đến khắp. Dùng để dụ cho Bồ-tát chứng đắc tam-muội Như huyễn hiện thân khắp mười phương để hóa độ chúng sinh cũng có ba nghĩa này. Từ thân ý sinh ấy cũng giống như vậy trở

xuống, là dùng pháp hợp với thí dụ rất dễ hiểu.

4. Nói về bốn thứ tu hành:

“Này Đại Tuệ! Vì sao quán pháp bên ngoài là vô tánh, cho đến ông nên như vậy mà siêng năng tu học”: Ở đây là nói về bốn thứ tu hành đúng như thật, thành bốn pháp môn trên, nghĩa là quán tự tâm sở hiện hành, thành tựu pháp môn tất cả pháp không ở trên. Xa lìa sự chấp đắm sinh trụ diệt, thành pháp môn vô sinh trên. Khéo biết ngoài pháp không có tánh hành, thành tựu pháp môn vô tự tánh ở trên. Chuyên cầu tự chứng Thánh trí hành, thành tựu pháp môn không hai ở trên. Đó gọi là Bồ-tát thành tựu bốn pháp, được tu hành đại phương tiện đúng như thật, cho nên khuyên ông phải siêng năng tu học.

5. Nêu tướng nhân duyên để thưa hỏi:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại thỉnh Thế tôn, cho đến không vọng chấp các pháp tiêm sinh và đốn sinh”. Do kiến chấp vọng tưởng ở trên duyên sinh trong ba cõi, cho nên Đại Tuệ nêu tướng nhân duyên để thưa hỏi.

“Phật bảo Này Đại Tuệ! Tất cả pháp nhân duyên sinh, cho đến đó gọi là duyên bên ngoài trước sau chuyển sinh”. Nói đồng đất làm nhân, nước gậy, v.v... làm duyên mà thành cái bình là quả. Như đất bình nhân quả đã như vậy, nêu các thứ như tơ lụa v.v... chồng lên nhau thành bốn thứ cũng giống như vậy, đều dùng tơ lụa, lát chiếu, giống mầm, tô lặc làm nhân kia, chồng chất lên nhau, mầm mống tô lặc làm quả. Nghĩa duyên rất dễ hiểu, đó gọi là pháp duyên sinh, chắc chắn trước nhân sau quả xoay vần mà sinh. Thân sinh khởi làm nhân, sơ trợ giúp làm duyên.

“Bên trong, nghĩa là vô minh ái nghiệp v.v... cho đến đây chỉ là phân biệt của người ngu”. Nội duyên: Nghĩa là lấy vô minh ái nghiệp v.v... làm nhân duyên, sinh thân ấm giới nhập gọi là quả. Chỉ do kẻ ngu lống đối phân biệt, đều chấp khác nhau. Trong như phẩm Pháp nhân duyên Trung luận có nói, rộng nhưng bên ngoài do bên trong biến đổi, gốc ngọn gồm thâu lẫn nhau thành một duyên khởi.

6. Nhân có sáu thứ:

“Này Đại Tuệ! Có sáu thứ Nhân: là nhân Đương hữu, nhân Tương thuộc, Tương nhân, Tác nhân, nhân Hiện thị, Đãi nhân”. Ở trên nói chung tất cả các pháp nhân duyên trong ngoài đã xong. Dưới đây nói riêng sáu nhân và bốn duyên, đều là pháp mà kẻ ngu tự phân biệt.

a) “Này Đại Tuệ! nhân Đương hữu là pháp trong ngoài tạo nhân sinh quả”: Nói khi quả sau sinh khởi gọi là đương hữu, tức là hiện tại

làm nhân, đời sau được quả, gọi là nhân đương hữu.

b) “Nhân Tướng thuộc, nghĩa là pháp trong ngoài làm sở duyên rồi sinh quả ấm, hạt giống, v.v...”: Nghĩa là phan duyên rồi, pháp bên trong bên ngoài sinh, năng sở nhân quả lại lệ thuộc nhau. Uẩn quả cũng là nhân của hạt giống.

c) “Tướng nhân, là tạo ra quả sinh nhau, nối nhau”: Nói làm quả tướng lẫn nhau, nối nhau không dứt gọi là tướng nhân. Luận Đối pháp chép: Câu hữu làm quả lẫn nhau, như đại tướng sở tướng, tâm đối với tâm tùy chuyển, nghĩa là tướng hữu vi đối với pháp hữu vi, pháp hữu vi đối với tướng hữu vi. Tâm đối với pháp tùy tâm, pháp tùy tâm đối với tâm, làm quả lẫn nhau, cũng gọi là câu hữu nhân.

d) “Nhân Năng tác, nghĩa là làm việc tăng thượng mà sinh quả như vua Chuyển luân”: Tất cả pháp hữu vi chỉ trừ tự thể, vì tất cả pháp là nhân năng tác. Vì kia khi sống không bị chướng ngại mà ở, thí như người trong nước, do luân vương kia không bị tổn hại, đều nói rằng: ta nhờ luân vương mà được an vui.

e) “Nhân Hiện liễu, nghĩa là phân biệt sinh năng hiển cảnh tướng, như ngọn đèn soi chiếu các vật ý nói”.

Nói vọng tướng sự sinh rồi thì năng hiển cảnh tướng, năng sở nhân quả phát minh lẫn nhau, như ngọn đèn soi chiếu các vật.

f) “Nhân Quán đãi, nghĩa là khi diệt thì dứt thuộc nhau, không sinh vọng tướng”. Như dài ngắn, cao thấp làm tướng nhân lẫn nhau. Nhân quả đối đãi cũng như vậy. Nhân diệt quả khởi cho nên nói khi diệt thì dứt thuộc nhau, không chấp pháp vọng tướng sinh.

7. Bác bỏ chấp sáu thứ nhân duyên sanh:

“Này Đại Tuệ! Kẻ ngu này tự phân biệt... cho đến tìm nhân tướng kia chẳng thật có”. Dưới đây là bác bỏ chấp sáu thứ nhân duyên sinh, do tướng tự tâm vọng tướng. Nếu nói đốn sinh, thì năng sở nhân quả không khác nhau, làm gì có tướng nhân. Nếu tiệm sinh thì tìm thể tướng kia cũng không thật có, như chẳng sinh con thì làm sao gọi là cha. Nói chẳng sinh con thì không thể gọi là cha, đây là một ví dụ bác bỏ cả hai kiến chấp. Nếu nhân quả đồng thời đốn sinh thì như cha con ngang nhau, cao thấp không phân biệt. Nếu trước nhân sau quả thì cha trước con sau. Nếu con chắc chắn sau cha thì gọi như thế nào, đây là lời vặn hỏi, hai chấp đều mất. Cha dụ cho nhân, con dụ cho quả. Lại nói rằng nếu không có cha thì không thể gọi là con. Phần trước đã diệt phần sau không được thứ lớp gọi tên.

8. Vọng chấp bốn duyên sinh:

“Có những người chấp đấm nói do nhân duyên... cho đến điều vì tướng chấp đấm vọng tưởng”: Ở đây nói vọng chấp bốn duyên sinh, nghĩa là thân có thể khả năng phân biệt quả gọi là nhân duyên, lại nương nhau gọi là duyên sở duyên. Trước sau khai bày dẫn dắt gọi là thứ lớp. Không ngại nghĩa sinh gọi là tăng thượng. Những người chấp đấm cho rằng bốn duyên năng sở sinh pháp thuộc nhau thứ lớp sinh, đều không thật có, chỉ do tâm lượng vọng tưởng chấp đấm tướng. Bốn duyên nghĩa rộng như luận Duy thức nói.

9. Nên lia tướng nhân duyên hòa hợp:

“Này Đại Tuệ! Thứ lớp và đốn nhanh đều bất sinh... cho đến tiêm đốn sinh kiến chấp”. Ngày xưa Đức Phật phương tiện nói tất cả các pháp đều do nhân duyên sinh, để bác bỏ tự nhiên vô nhân tà nhân của ngoại đạo. Lại nói duyên sinh vô ngã, bác bỏ chấp hữu ngã của ngoại đạo. Như bài kệ dưới nói: Vì ngăn dứt năng tác nên nói nhân duyên hòa hợp, vì ngăn lỗi thường nên nói duyên là vô thường. Nay đây sẽ khiến xả bỏ quyền thừa, thấu đạt duy tâm hiện. Cho nên kiết thúc phá rằng: nên lia tướng nhân duyên hòa hợp, đốn tiêm sinh kiến chấp, ngăn dứt dị kiến. Trong quyền thật giáo gồm có ba thuyết: 1. Khiến các Bồ-tát biết tất cả các pháp do nhân duyên sinh, khác với kiến chấp của ngoại đạo. 2. Biết từ tâm hiện, xả bỏ kiến chấp Hai thừa. 3. Duy tâm tánh khởi, không đồng với quyền giáo, người học nên biết.

10. Đức Thế tôn nói kệ:

a) “Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng: Tất cả pháp vô sinh, cũng lại không có diệt, đối với các duyên kia, phân biệt tướng sinh diệt”. Do tất cả các pháp là vô sinh cho nên không thể nói diệt, chỉ đối với các duyên không thật kia mà vọng phân biệt có tướng sinh diệt.

b) “Chẳng ngăn các duyên hội, như thế diệt lại sinh chỉ vì dứt chấp đấm, vọng tình của phàm ngu”: Ở đây nói Phật không ngăn pháp duyên khởi diệt lại sinh, vì tự tánh của pháp là bất sinh, chỉ vì ngăn dứt vọng tưởng chấp đấm của phàm ngu si hoặc.

c) “Pháp hữu vô trong duyên, thấy đều không có sinh, thói quen mê chuyển tâm, từ đây ba cõi hiện”. Nói duyên khởi hữu vô tất cả các pháp đều vô sinh. Chỉ do thói quen của tự tâm mê chuyển, cho nên ba cõi hiện ba cõi: nghĩa là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Xưa nay không có sinh, cũng lại không có diệt... cho đến mà nói có sinh diệt”. Nếu lia bỏ hai chấp tất cả vọng kiến thì biết pháp sở sinh, nhân duyên năng sinh thấy đều vốn không, chẳng lại tìm cầu giúp cho trở thành vô.

11. Bồ-tát Đại Tuệ hỏi về tướng nói năng phân biệt và pháp môn Tâm:

“Lúc bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật... cho đến đối với hai nghĩa mà được thanh tịnh”: Vì ở trên nói chỉ tùy thế tục mà nói có sinh diệt, cho nên Đại Tuệ nêu lên tướng nói năng phân biệt và pháp môn tâm để thưa hỏi.

“Này Đại Tuệ! Có bốn tướng nói năng phân biệt... cho đến đó là bốn thứ”. Bốn tướng nói năng vẫn nêu rõ rất dễ hiểu. Lại nữa, mộng lời nói, cũng gọi là địa thứ tám Bồ-tát đắc Vô sinh nhẫn giác rồi, duyên Thắng giải hạnh địa cho đến Địa thứ bảy. Trước trải qua cảnh giới không thật, nói các pháp như mộng nên gọi là lời nói trong Mộng.

12. Chỗ phát ra lời nói do đâu sinh lời nói:

“Đại Tuệ lại bạch Thế tôn... cho đến chỗ nào? Có gì? Tại sao sinh khởi?”. Hỏi chỗ phát ra lời nói, hỏi do đâu mà sinh lời nói.

Phật bảo Này Đại Tuệ! Do đâu, ngực, cổ, họng, mũi, môi, lưỡi, nướu, răng hòa hợp mà khởi, đây là chỗ các duyên phát ra lời nói.

“Đại Tuệ lại bạch Phật! Lời nói phân biệt, cho đến vì vọng tưởng là nhân khởi lời nói”. Nghĩa là lời nói kia do phân biệt mà sinh.

“Nếu khác thì phân biệt chẳng nên làm nhân... cho đến vì vậy cho nên chẳng phải khác cũng chẳng phải không khác”. Nếu lời nói và phân biệt khác thì phân biệt không hiển rõ nghĩa nói năng cũng lẽ ra không hiển được nghĩa, nhưng lời nói có công năng hiển nghĩa cho nên đều bác bỏ.

“Đại Tuệ lại bạch Thế Tôn!... cho đến do nói năng mà được vào, chẳng phải tức là lời này”: Do ở trên nói lời nói năng hiển nghĩa, cho nên Đại Tuệ hỏi là lời nói tức Đệ nhất nghĩa hay sở nói là Đệ nhất nghĩa, và lặp lại nêu Đệ nhất nghĩa tâm pháp trên để thỉnh hỏi. Nhưng Đức Phật đáp rằng: Chẳng phải nói năng cũng chẳng phải điều được nói. Vì sao? Vì Đệ nhất nghĩa là tự chứng Thánh trí tam-muội lạc cảnh, do nói năng mà được vào, chẳng phải tức tức là lời này, vì vậy cho nên nói như ngón tay chỉ mặt trăng, nếu thấy được mặt trăng thì biết rõ ngón tay kia chẳng phải mặt trăng.

13. Ngôn ngữ là vô thường:

“Đệ nhất nghĩa là cảnh tự chứng trong Thánh trí v.v... cho đến đối với Đệ nhất nghĩa không thể hiển bày. Lời nói sinh diệt dao động, đó là vô thường. Từ các duyên sinh tức không có tự thể, làm sao hiển được Đệ nhất nghĩa!

“Đệ nhất nghĩa không có tướng tự tha... cho đến phải xa lìa tướng

lời nói phân biệt”. Nói Đệ nhất nghĩa bật dứt tướng tự tha. Lời nói liên quan đến tướng hữu cho nên không thể hiển bày. Lại Đệ nhất nghĩa chỉ chứng nhập tự tánh chân tâm, ngoài tâm không có pháp, các pháp bên ngoài đều không có tự tánh, nên nói năng vọng tướng đâu thể hiển bày, cho nên khuyên lìa lời nói phân biệt, nương Đệ nhất nghĩa.

14. Đức Phật nói kệ:

a) “Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng: Các pháp không tự tánh, cũng lại không lời nói, nghĩa sâu xa không không, kẻ ngu bị trôi lăn”. Vì các pháp không có tự thể, cũng không có lời nói, kẻ ngu không thấy nói năng không, điều được nói là không, cho nên trôi lăn trong sinh tử.

b) “Tất cả pháp vô tánh, lìa lời nói phân biệt, các hữu như mộng huyễn, chẳng sinh tử, Niết-bàn”. Nói tất cả pháp và nói năng không thật, như mộng như huyễn. Như mộng huyễn thì đâu có tướng sinh tử Niết-bàn chắc chắn.

c) “Như vua và Trưởng giả, vì muốn các con vui... cho đến tự chứng pháp thật tế. Bài tụng trên là nêu ví dụ, bài tụng dưới là hợp pháp. Nói nay ta giảng nói tự giác Thánh trí cảnh giới thật tế, không nói điều do lời nói ra.

15. Nói ba pháp để nói về bốn câu:

“Lúc bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ... cho đến tự chứng Thánh trí cảnh giới sở hành”. Đại Tuệ do ở trên nói Đệ nhất nghĩa đế, tức là tự chứng Thánh trí sở đắc chẳng phải cảnh giới nói năng phân biệt, tức nêu tự chứng Thánh trí sở đắc Đệ nhất nghĩa để thưa hỏi. Nhưng Đệ nhất nghĩa thể lìa bốn câu chấp, một khác, hữu vô, đoạn thường, câu bất câu. Đại Tuệ xin lìa pháp bốn câu. Trong đây nói ba pháp để nói về bốn câu, có mười hai câu, y theo văn có chín, ẩn hiển lẫn nhau có ra. Trong một khác có bốn câu, trong hữu vô có bốn câu, trong thường vô thường có hai câu. Kinh tóm lược đầy đủ như trong luận Tứ tông có nói.

“Xa lìa vọng chấp tự tướng... cho đến tròn đầy đầy đủ tất cả công đức”. Nói chẳng phải chỉ lìa kiến chấp ngoại đạo, mà còn lìa chấp của Hai thừa ấm, giới, nhập, tự tướng, cộng tướng, giúp cho các Bồ-tát và các chúng sinh mau chứng vô thượng chủng trí của Như lai.

16. Nêu ra pháp thể hữu vô:

“Phật dạy Nay Đại Tuệ! Lành thay! Lành thay!... cho đến Tất cả tự tánh vô Thường vô thường v.v...”. Ở trên tuy nói lìa hữu vô v.v... nhưng chưa biết thế nào là hữu vô. Nay nêu ra pháp thể hữu vô. Nói phàm phu ngu si, không biết tự tâm lượng vọng huân tập làm nhân biến

hiện. Chấp đấm pháp bên ngoài là hữu là vô, khởi chấp bốn câu v.v... đây là hữu chấp thể hữu vô. Mười hai ví dụ dưới, so sánh với các pháp hữu vô, một khác này đều không chân thật phải nên xa lìa. Lời đáp trên nguyện vì con nói lìa các cảnh giới sở hành như một khác, hữu, vô, thường, vô thường, v.v...

17. Phật nêu ví dụ để làm sáng tỏ:

a) Nay Đại Tuệ! Thí như bày thú bị cơn khát ép ngặt... cho đến rơi vào trong các chấp đấm một khác, v.v..." Nai chạy theo bóng nắng so sánh với người ngu ưa muốn cảnh giới, kẻ phàm phu ngu si cũng giống như vậy. Hợp với bày thú ở trên, từ vô thỉ vọng tưởng luống dối luân tập ba độc đốt tâm. Hợp với ba khát ép ngặt ở trên, ưa cảnh giới sắc, chấp sinh, trụ, diệt, hợp với ánh nắng khi trời sáng ở trên mà tưởng là nước chấp pháp trong ngoài, rơi vào sự chấp đấm một khác, v.v... hợp với mê hoặc rong ruổi vào các đường, không biết chẳng phải nước.

b) "Nay Đại Tuệ! Như thành Càn-thát-bà... cho đến lìa hai pháp tự tánh khởi có tánh phân biệt". Nói ba lượng là: 1. Hiện lượng. 2. Tỷ lượng. 3. Thánh ngôn lượng. Lượng là nghĩa khuôn mẫu chắc chắn, thí như thăng đấu đong vật đo. Hiện lượng: Hiện là hiển hiện, nghĩa là rõ ràng chứng cảnh, không lệ thuộc danh ngôn, tâm không tính toán đo lường, tự thân đặc pháp thể, lìa vọng tưởng phân biệt, mà chẳng lầm lẫn. Tỷ lượng: Tỷ là so sánh chủng loại, nghĩa là dùng nhân để thí dụ, so sánh chủng loại tính toán đo lường mà biết được, như từ xa thấy khói thì biết có lửa, cách tương thấy sừng biết chắc là có trâu, dù không đích thân thấy, cũng chẳng phải vọng tưởng. Thánh ngôn lượng: Nghĩa là dùng Thánh giáo Như lai làm chuẩn mực, cho nên người xưa dạy sau khi Phật diệt độ lấy kinh luận làm khuôn phép, lấy tri thức làm kim chỉ nam để ngăn dứt ngoại đạo.

18. Nói về năm phần luận:

Ngũ phần luận: 1. Tông; 2. Nhân; 3. Dụ; 4. Hợp; 5. Kiết. Ba thứ tông nhân dụ, cũng gọi ba chi tỷ lượng, dụ hợp chỉ thành, vả lại nluống ngoại đạo vọng chấp. Chấp âm thanh là thường. Trong Thanh Minh lập lượng rằng: Thanh là hữu pháp, định thường là tông, nhân gọi là tánh sở tác, đồng dụ như hư không, nhưng hư không chẳng có tánh sở tác, trong nhân không chuyển dẫn dụ không đồng đều, lập âm thanh là thường bất thành. Nếu âm thanh trong Phật pháp là vô thường, cho nên lập lượng rằng: Âm thanh là hữu pháp, nhất định là vô thường làm tông. Nhân nói tánh sở tác, đồng dụ như bình chậu. Kinh Lăng-nghiêm chép: Âm thanh lẫn lộn lời nói, chỉ nương danh cú vị, chẳng lẽ là thường. Các thứ chấp

đắm của ngoại đạo tự cho là hơn người. Nếu không loại bỏ kia để lập lượng so sánh phá trừ, thì do đâu mà phá chấp được, cho nên Ngũ phần luận do Đức Như lai nói, như dùng chêm để lấy chêm, dùng âm thanh dùng âm thanh. Có chỗ nói dẹp bỏ dị chấp của ngoại đạo, định ra giềng mối tông môn cho Phật giáo, giúp cho các chúng sinh ở trong cảnh giới sở chứng của bậc tự giác Thánh trí, lìa các dị kiến hữu vô... Kẻ ngu mê giáo còn chấp có tánh vọng tưởng phân biệt một khác, đoạn thường.

19. Người tu hành nên dứt tâm, ý, thức:

“Này Đại Tuệ! Những người tu hành chuyển tâm, ý, thức... cho đến chấp đắm ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả”. Những người tu hành, nên dứt tâm, ý, thức lìa hai tánh năng thủ sở thủ, nhập Như lai địa, đối với có và không chẳng sinh vọng tưởng. Nếu đối với cảnh do tự giác chứng được mà chấp hữu vô thì lại chấp ngã, ngã sở.

“Này Đại Tuệ! Tất cả các pháp tự tướng, cộng tướng... cho đến Tự chứng Thánh trí Thánh trí tam-muội lạc”. Nói vị hóa Phật chỉ thuận theo kẻ ngu chấp vọng khởi, tạo các thứ lời nói. Nói tự tướng, cộng tướng, khiến cho biết không phải thật pháp. Phi phi Phật, là hai bản dịch đời Tống và Nguyên đều gọi Phật pháp.

20. Tà kiến có ba thứ:

“Này Đại Tuệ! Thí như trong nước có bóng cây hiện... cho đến Tất cả phân biệt như câu bất câu v.v...” Như lai kiết khuyển đối với sở chứng nên lìa các ác kiến phân biệt của phàm phu ngoại đạo về sinh diệt một khác, hữu vô, đoạn thường, câu bất câu v.v... ở trên. Tà kiến ở Thiên Trúc đại khái có ba: 1. Ngoại đạo ngoài Phật pháp chấp đắm bốn câu ở trên, và sáu vị giáo chủ ngoại đạo, chín mươi sáu phái ngoại đạo. 2. Ngoại đạo nương gá Phật pháp: Xuất phát từ Độc Tử Phương quảng, tự cho mình là thông minh, đọc kinh sách Phật mà không hiểu rõ chánh kiến, sinh kiến giải khác, thí như trâu uống nước thành sữa, rắn uống nước thành chất độc, các sư đều không chấp nhận, đó là người tà kiến nương gá Phật pháp. 3. Kẻ học Phật pháp thành ngoại đạo, chấp giáo môn của Phật mà sinh phiền não, không được ngộ nhập. Đại luận chép: Nếu không chứng đắc Bát-nhã phương tiện, nhập A-tỳ-đàm thì rơi vào trong , nhập vào không thì rơi vào vô, nhập còn-lạc cũng rơi vào vừa hữu vừa vô. Trung luận chép: Chấp chẳng phải hữu chẳng phải vô gọi là ngu si luận: Điên đảo chấp đắm chánh pháp lại thành người tà kiến, lại nữa bốn môn của Đại thừa đều thành kiến chấp, thật ngữ là luống dối, sinh kiến chấp về ngữ. Niết-bàn là sinh tử, vì khởi tham đắm, thường uống cam lộ, tổn thương tánh mạng chết sớm, mất môn phương

tiên, rơi vào tà chấp nên gọi là nội tà kiến. Vậy nên biết pháp không có tướng chắc chắn, hồi chuyển tùy tâm, chấp thì thành quấy, thông đạt thì không lỗi, như pháp bốn câu, thông hay bí đều do người, tại pháp gọi là bốn câu, ngộ nhập gọi là bốn môn, vọng chấp gọi là bốn chấp, hủy gọi là bốn báng, bốn câu bất động được mất không tánh, một pháp không khác nhau, thăng trầm tự khác, chỉ có sở trọng sở y, lập tri lập giải, chỗ chấp mảy may cũng không quên mất, đều thành ngoại đạo, cho nên tri kiến còn thì là phàm, tình mất tức là Phật.

21. Các ví dụ về ba cõi các pháp:

“Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng: Các thức uẩn có năm, giống như bóng cây nước, điều thấy như mộng huyễn, không nên vọng phân biệt”. Ba câu tụng trên là ví dụ năm uẩn, không nên vọng khởi phân biệt.

“Ba cõi như dương diệm, mộng huyễn và tóc rũ, quán sát được như vậy, rốt ráo được giải thoát”. Bốn câu này là ví dụ nói ba cõi không thật, cho nên quán sát sẽ chứng quả Bồ-đề.

“Thí như sóng khi nằng, động chuyển tâm mê loạn... cho đến người ngu sinh chấp đắm”. Một bài tụng trước là nêu ví dụ, tiếp câu sau là hợp pháp.

“Trong sinh tử vô thủy, bị chấp đắm trói buộc”: Tụng chung về ý mười hai dụ, vì bị chấp đắm ngã pháp từ vô thì trói buộc, che lấp.

“Xả lia tham nhiếp thọ, như nhân chốt tháo chốt”. mười hai ví dụ trên. Như ngược chốt tham muốn bỏ chốt sinh tử.

“Huyễn chú máy hoạt động, mây nổi mộng điện chớp. Quán đời thường như thế, dứt hẳn ba nối nhau”. Lại nữa bài tụng này có năm ví dụ: Quán thế gian như vậy dứt bỏ được ba cõi, không bao giờ còn nối nhau, mây nổi và điện chớp ở trên không có vãn.

“Trong đây không thật có, như dương diệm trong không, như vậy biết các pháp, tức là không thể biết”. Nói biết các pháp không có tự thể thì không thể biết.

“Các ấm như tóc rũ, trong đó vọng phân biệt, chỉ thi thiết giả danh, tìm tướng không thật có”. Đây nói các ấm chẳng có, giả danh cũng không, không có tự tánh tướng.

“Như vẽ, tóc rũ, huyễn, mộng thành Càn-thát-bà... cho đến kẻ ngu vọng phân biệt. Bài tụng gồm bảy ví dụ, nói về hữu, vô, một khác, thường, vô thường bốn câu kiến chấp không thật. Ví dụ vẽ văn trên không có.

Gương sáng, nước, mắt trong, Ma-ni diệu bảo châu... cho đến cũng

như gái bất dục đây là nói các pháp tuy hiện, đều không có thật. Mắt trong, gái bất dục, văn trên không có.

22. Việc nói pháp của Đức Phật:

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Các Đức Phật nói pháp... cho đến thời cát bụi v.v... mà cùng tương ứng”: Nói các Đức Phật ra đời hễ giảng nói pháp thì lia bốn câu, dứt trăm phi, lập ra chê bai, phạm tình Thánh lượng đều không thể kịp, người có căn đại chưa ngộ nhập, đều dùng pháp bốn đế, mười hai nhân duyên, chứng diệt tu đạo, giải thoát sinh tử chứng quả cao nhất, không cùng chung tướng với thắng tánh tự nhiên của các ngoại đạo, dù ban đầu chỉ nói nhân duyên Tiểu thừa, cũng đã huyền diệu hơn ngoại đạo.

23. Nêu ví dụ để dụ cho Phật:

“Này Đại Tuệ! Các Đức Phật nói pháp... cho đến giống như người dẫn đầu trong đoàn đi buôn dẫn đường mọi người”. Vì sạch hoặc chướng và trí chướng: cũng như người dẫn đường cả đoàn người buôn, biết đường thông hay bí, gặp nạn hay không, biết chỗ mà nghỉ đêm v.v... và lại khéo phân biệt các thứ vật báu, dụ cho Đức Như lai dẫn dắt chúng sinh dứt bỏ hai chướng, khiến an trụ trong chỗ an ổn của pháp vô tướng, mà lại khéo phân biệt vật báu ở những vị trí khác nhau giữa các thừa. Nói hoặc chướng và trí chướng. Như luận Khởi Tín chép: Sáu tâm nhiễm gọi là phiền não ngăn ngại, làm chướng ngại chân như căn bản trí. Nghĩa vô minh gọi là trí ngại, làm chướng ngại nghiệp trí tự nhiên của thế gian. Nghĩa này như thế nào? Vì nương tâm nhiễm năng kiến năng hiện, vọng chấp cảnh giới trái với tánh bình đẳng, vì tất cả pháp thường vắng lặng, không có khởi tướng, vô minh bất giác trái với pháp, cho nên không thật có, thuận theo thế gian, biết rõ tất cả các cảnh giới. Đây là y theo bốn mặt nương nhau để nói về nghĩa của hai chướng, hoặc y theo hai chấp để nói về hai chướng, như ở sau sẽ dẫn luận Thành Duy Thức để giải thích nghĩa đó.

24. Có bốn thứ thiên:

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Có bốn thứ Thiên... cho đến Phan duyên chân như Thiên, Chư Như lai Thiên”: Vì hai chướng trên làm chướng ngại Thánh đạo, không chứng Bồ-đề, Niết-bàn, hai quả chuyển y của Như lai. Là người học đạo nên tu thiên định, phát sinh trí tuệ vô lậu nhiệm mầu, mới dứt sạch hai thứ chướng kia, cho nên tiếp đến nói bốn thứ thiên cũng gọi là sáu Ba-ba-mật, thì hạnh tu thiên định rất thần diệu, làm phát sinh trí tuệ vô lậu trong tánh, muôn hạnh muôn đức cho đến thần thông, ánh sáng đều từ thiên định phát ra. Cho nên người ba

thừa muốn cầu Thánh đạo thì phải tu thiền, đây là nói chung về bốn thứ thiền.

a) “Này Đại Tuệ! Thế nào là thiền Ngu phu sở hành... cho đến đó gọi là Ngu phu sở hành thiền”. Nói hai thừa quán thông đạt được người vô ngã, thấy rõ tự mình và người, uẩn giới xứ đều là tướng vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, quán sát không bỏ, được Sơ tĩnh lự, dần dần chuyển lên đến vô tướng, thọ diệt tận tam-muội, nhưng không là tướng, đó gọi là Ngu phu sở hành thiền.

b) “Thế nào là thiền Quán sát nghĩa?... cho đến đó gọi là Quán sát nghĩa thiền”: Nghĩa là thật tướng các pháp, Bồ-tát từ Sơ địa đến Địa thứ bảy quán các pháp của hai thừa, ngoại đạo đều biết là không thật, đối với pháp vô ngã và ý nghĩa các địa tướng, thuận theo chánh quán, nên gọi là thiền Quán sát nghĩa.

c) “Thế nào là thiền Duyên chân như?... cho đến đó gọi là Duyên chân như thiền”: Thế nào gọi là vọng niệm? Nghĩa là hai thứ vô ngã này là vọng niệm. Vì sao đối trị hai thứ ngã kiến, nói hai thứ vô ngã? Vì sở tri đã không thật, năng tri cũng là vọng, cho nên nói hai thứ vô ngã là vọng niệm luống dối. Nếu biết đúng như thật về bình đẳng, không khởi hai thứ vô ngã vọng niệm, thì đó gọi là thiền duyên chân như, có chỗ gọi là thiền chánh niệm chân như.

“Thế nào là chư Như lai thiền... cho đến đó gọi là chư Như lai thiền”. Nói chứng được Như lai địa tự chứng Thánh trí pháp thân chân thật, thường trụ vắng lặng, giúp cho chúng sinh được ba thứ vui, và được pháp thân trí tuệ của Như lai bất tư nghị sự. Ba thứ vui: là Thiền định lạc, Bồ-đề vui và Niết-bàn lạc, đó gọi là Như lai thiền. Lại nữa, người xưa y theo chỗ nương khác nhau của phàm phu, ngoại đạo, ba thừa, Nhất thừa. Nói chung có năm thứ thiền: Nghĩa là mắc kẹt vào dị chấp, ưa thích cõi trên, nhằm chán cõi dưới mà tu, đó là ngoại đạo thiền; chánh tín nhân quả, cũng ưa thích, nhằm chán mà tu, đó gọi là phàm phu thiền; Ngộ được lý ngã, không, thiên chân mà tu, đây là Tiểu thừa thiền; ngộ ngã, pháp cả hai đều không, hiểu rõ chân lý mà tu, đây gọi Đại thừa thiền. Nếu đốn ngộ tự tâm, xưa nay vắng lặng vốn không phiền não, trí tánh vô lậu vốn tự đầy đủ, tâm đây tức Phật, rốt ráo không khác, nương đây mà tu thì gọi là Tối thượng thừa thiền, cũng gọi Nhất hạnh tam-muội, cũng gọi Chân như tam-muội. Đây là căn bản của tất cả tam-muội, nếu niệm niệm tu tập, thì tự nhiên dần dần được vô lượng trăm ngàn các tam-muội.

25. Thiền của ngoại đạo Thanh văn, Duyên giác:

“Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ rằng: Ngu phu sở hành thiền, quán sát tướng nghĩa thiền, phan duyên chân như thiền, Như lai thanh tịnh thiền”. Bài tụng này là tên bốn thứ thiền. Người tu hành ở trong thiền định quán thấy hình mặt trời, mặt trăng, hoa sen hồng, tướng biển lặng sâu, lửa trong hư không và bức tranh. Đây là nói sự ngoại đạo tu thiền của Hai thừa. Nói ngoại đạo chấp đắm thần ngã, ở trong thiền khi quán hình mặt trời, mặt trăng sáng suốt trong lặng chiếu soi, hoặc thấy hoa sen hồng ở dưới biển sâu. Người hai thừa cho tự tướng, cộng tướng là thật có, nguội thân bất trí, đồng với hư không, như củi hết lửa tắt cho là rốt ráo Niết-bàn. Chữ họa (bức tranh) sợ là lầm, hai bản khác đều viết là chữ Tận.

“Các thứ tướng như thế, rơi vào pháp ngoại đạo, cũng rơi vào cảnh giới Thanh văn, và Duyên giác”. Như các tướng trên là cảnh giới thiền của ngoại đạo, Thanh văn và Duyên giác.

“Lìa bỏ tất cả kia, trụ trong không thật có”: Câu trên Quán sát nghĩa thiền, từ câu dưới trở xuống là Phan duyên chân như thiền.

“Cho nên nhập vào được, tướng chân thật Như như... cho đến mà sở đánh người ấy”. Đây nói nhập Như lai Thanh tịnh thiền.

26. Xin Như lai nói những pháp gọi là Niết-bàn:

“Lúc bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật... cho đến những pháp gì gọi là Niết-bàn”. Do ngoại đạo ở trên chấp thần ngã là Niết-bàn. Người Hai thừa dùng nguội thân bất trí như củi hết lửa tắt làm Niết-bàn, cho nên xin Như lai nói những pháp nào gọi là pháp Niết-bàn.

“Phật bảo Này Đại Tuệ! Tất cả thức, tự tánh, thói quen... cho đến tức là cảnh giới các pháp tánh không”. Nói các thức v.v... kiến, tập chuyển biến, gọi là Niết-bàn, nghĩa là vô minh chuyển tức biến thành minh. Như băng tan thành nước, chẳng phải vật khác, không từ nơi khác đến, cho nên gọi là cảnh giới chân thật do các pháp tánh không hiển bày.

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Niết-bàn là... cho đến sở hành của trí tự chứng của tất cả bậc Thánh”. Nói về cảnh giới Niết-bàn mà Như lai chứng, lìa tánh đoạn thường, hữu vô.

“Thế nào là phi thường? Nghĩa là trừ tự tướng, cộng tướng, vọng tướng cho nên chẳng phải thường”. Thế nào là phi đoạn? Nghĩa là ba đời Như lai được chứng đắc nên chẳng phải đoạn.

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Đại bát Niết-bàn... cho đến là chỗ nương về của người tu hành”. Vì không thọ sinh nối nhau cho nên Niết-bàn bất tử, do chẳng phải pháp hữu vi sinh trụ diệt cho nên Niết-bàn bất hoại.

Vì vô hoại bất tử nên gọi là chỗ nương của người tu hành.

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Niết-bàn chẳng phải xả, chẳng phải đắc, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, chẳng phải một, chẳng phải khác, cho nên gọi là Niết-bàn”. Niết-bàn không có phiền não để xả, cho nên chẳng phải đoạn thường, một khác, chỉ chứng mới tương ứng, đó gọi là Niết-bàn của Như lai”.

27. Niết-bàn của Thanh văn, Duyên giác chưa được tất cả giải thoát:

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Thanh văn, Duyên giác... cho đến những vị kia đối với những thứ ấy nghĩ là Niết-bàn”. Người hai thừa hiểu biết trong ấm, giới, nhập không có Minh Đế Thần ngã, lìa xa nơi ồn ào, phiền não chướng dứt không sinh điên đảo, không khởi sinh tử vọng tưởng đời vị lai, các vị ấy đối với những thứ đó nghĩ là Niết-bàn. Cho nên Kinh Pháp Hoa chép: Chỉ biết sinh tử gọi là giải thoát. Các vị đó thật chưa được tất cả giải thoát.

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Có hai thứ tự tánh tướng... cho đến do bất giác tự tâm hiện cho nên khởi”. Vì ở trên tất cả thức tự tánh thói quen xoay chuyển, gọi là Niết-bàn. Nhưng tự tánh của tất cả thức là pháp phạm phu, cho nên nói phạm phu chấp đắm tự tánh của tất cả thức khởi hai thứ tướng tự tánh. Nghĩa là từ vô thủy đến nay, vọng tưởng nói năng thói quen không dứt, chấp đắm có nói năng tự tánh tướng, không biết tự tâm sinh khởi các pháp, vọng chấp có tự tướng, cộng tướng, ấm, giới, nhập, tất cả các pháp, cho nên chấp đắm tự tánh tướng của pháp.

28. Phật dùng hai thứ gia trì để che chở các Bồ-tát:

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Các Đức Phật có hai thứ gia trì... cho đến tay rưới nước trên đỉnh”. Vì ở trên phạm phu chấp đắm khởi lên hai thứ tự tánh tướng. Đức Như lai đối trị hai thứ tự tánh tướng ở trên cho nên dùng hai thứ gia trì che chở các Bồ-tát.

“Nay Đại Tuệ! Đại Bồ-tát Sơ địa... cho đến chính là Bồ-tát”. Nói Bồ-tát Sơ địa được thần lực Như lai che chở, được nhập Chiếu Minh Tam-muội của Đại thừa Bồ-tát, nhập rồi tất cả các Đức Phật đều hiện ra trước mặt, ba nghiệp gia trì như Kim cương tạng. Trong hội Hoa Nghiêm khi trụ Sơ địa và thành tựu các tướng công đức của Sơ địa, Bồ-tát cũng gia trì như vậy.

29. Bồ-tát tu dần đến địa Pháp vân:

“Nay Đại Tuệ! Đại Bồ-tát này... cho đến được quán đỉnh rồi mà được tự tại”. Bồ-tát được gia trì nhập định rồi, trong trăm ngàn kiếp chứa nhóm tất cả các điều lành, dần dần nhập các địa, có khả năng

thông đạt tướng năng trị, sở trị đến Pháp Vân địa. Gồm thâu ý nghĩa các địa, sơ lược có hai thứ: 1. Phần quả, quả này không thể nói, chỉ chứng mới tương ứng. 2. Phần nhân, có thể nương vào lời biện luận đối với hạnh giải dứt hoặc chứng chân v.v... cho nên đối với Thập địa này tu mười thắng hạnh, dứt mười thứ chướng, chứng mười chân như, lập ra mười địa. Hạnh có hai thứ: 1. Tướng chung, đối với mỗi địa, tu đầy đủ tất cả các hạnh lành. 2. Tướng riêng, đây lại có hai: a. Thập độ, tuy ở mỗi địa đều tu tập đầy đủ, nhưng riêng tướng địa mỗi lần nói một lần tăng, Sơ địa đàn tăng, Nhị địa giới tăng, cho nên đến mười địa thì trí độ tăng. Lại tu Thập hạnh, ở đây lược nêu, nghĩa là Sơ Hoan hỷ địa tu hạnh nguyện lạc, nói mười đại nguyện, vì ưa thích lợi lạc, dứt bỏ được chướng dị sinh tánh, chứng đầy đủ chân như, chân như này do hai không hiển bày, chẳng pháp nào không có. Chứng được chân như hai không này thì được gọi là Hoan hỷ địa, nghĩa là mới đạt được Thánh tánh, chứng đủ hai không, có thể tự lợi lợi tha, sinh tâm rất vui mừng cho đến địa thứ mười tu hạnh thọ vị, dứt bỏ chướng chưa tự tại đối với các pháp, liền chứng nghiệp tự tại v.v... Sở y chân như, chân như này ở khắp trong tất cả thân thông, tạo nghiệp tổng trì định môn, đều được tự tại. Chừng rồi liền được gọi là Pháp vân địa, nghĩa là mây đại trí chứa đựng nước các đức, che khắp như hư không thô nặng, đầy đủ sở y pháp thân, nhưng mười địa có ở cả ba thừa, nhất thừa tuy giống nhau ký vị, nhưng nếu y theo ba học thì sơ địa nguyện, nhị địa giới, tam địa định, tứ địa trở lên đều thuộc về tuệ. Nếu y theo viên tu, các hạnh đều tu, gồm có ba đức: 1. Đức Chứng đạo, là chứng trí khế hợp với Như. 2. Đức giáo đạo, tùy đức khác nhau. 3. Đức bất trụ đạo, bất trụ sinh tử Niết-bàn, trong một địa có đầy đủ tất cả công đức các địa, đầu cuối viên dung. Hoặc hoàn toàn khác nhau theo sự tu hành và địa vị mà thêm bậc có khác. Hoặc hoàn toàn đồng mất, tiến tu mà rơi vào vắng lặng, do đó mỗi địa vị đủ đức, đẳng cấp ngang nhau rõ ràng, lớp lớp luyện mài, bản vị bất động sẽ thọ chức vị Phật, ngôi tòa hoa sen, quyền thuộc vây quanh, các báu anh lạc trang nghiêm thân. Các Đức Phật trong mười phương đều đưa tay sờ trên đánh đầu Bồ-tát. Thí như vua Chuyển luân Thánh tự tại và trời Đế-thích, Thái tử quán đánh để truyền trao chức vị mà được tự tại.

30. Hợp pháp hết thác chỉ bày:

“Các Bồ-tát này cũng giống như vậy... cho đến khác thì không thể được”: Hợp Pháp kết thúc chỉ bày, lời văn rất dễ thấy. Nếu không như vậy thì không thể thấy.

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Đại Bồ-tát... cho đến đều do hai thứ thân

lực của Như lai”: Hễ trụ thì được thần thông, khéo nói pháp yếu, đều do hai thứ thần lực gia trì mà được.

“Này Đại Tuệ! Nếu Đại Bồ-tát... cho đến có tác dụng rộng lớn như vậy”: Ý nói nếu lìa thần lực gia trì mà nói được pháp ấy thì lẽ ra các phàm phu cũng biện thuyết, được nói ý phàm phu không thể. Huống chi là Phật, dùng đại bi gia trì tất cả các vật vô tình, còn giảng nói pháp âm, huống là có tâm u! Việc thấy ánh sáng mặt trăng chiếu soi rõ ràng, chỉ có thấy nghe đều được lợi ích.

31. Vì sao thần lực không gia trì nhị địa:

“Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật rằng... cho đến và ở trong Thù thắng địa đưa tay quán đảnh”. Đoạn trên Đức Phật dạy như Sơ địa và Thập địa, chưa hiểu rõ thần lực, cho nên Đại Tuệ thưa hỏi vì sao thần lực không gia trì Nhị địa.

“Phật bảo Này Đại Tuệ! Vì muốn xa lìa nghiệp ma phiền não... cho đến Như lai dùng thần lực gia trì các vị Đại Bồ-tát”. Vì lìa hai thứ lỗi nên hàng Sơ địa cần được che chở. Vì được hai thứ lợi ích nên bậc Thập địa cần được che chở, quên mất tâm Bồ-đề tu các gốc lành, đó gọi là nghiệp ma. Như trong kinh Hoa Nghiêm, kinh Đại Tập có nói.

“Này Đại Tuệ! Nếu không như vậy... cho đến Như lai dùng thần lực nhiếp thọ các vị Đại Bồ-tát”. Nói Bồ-tát Sơ địa không được gia trì thì sẽ rơi vào ác kiến của ngoại đạo, và mười cõi của cảnh giới Thanh văn. Địa nào không được che chở thì không thể mau thành Bồ-đề.

32. Phật nói kệ để lập lại nghĩa trên:

“Lúc ấy, Đức Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng: Thần lực Đức Thế Tôn, đại nguyện được thanh tịnh, tam-ma-đề quán đảnh, trong Sơ địa Thập địa, Tam-muội và quán đảnh”. Bồ-tát chứa nhóm gốc lành, được bốn nguyện của Như lai che chở, như ngọc Ma-ni vô tư mà ứng hiện, nên nói là thanh tịnh.

“Khi ấy Bồ-tát Đại Tuệ... cho đến nói duyên khởi chẳng phải có nghĩa riêng”. Vì ở trên nói các Đức Phật nói pháp, lấy bốn đế duyên khởi diệt đạo giải thoát làm đầu, chẳng ở tướng chung với ngoại đạo nói thắng tánh tự tại, sự tạo tác tự nhiên, thời gian, cát bụi... cho nên Đại Tuệ nêu ở trên Phật tự nói duyên khởi thưa hỏi Thế tôn. Như Phật nói duyên khởi là do tạo tác khởi, chẳng phải tự thể của tâm sinh khởi. Ngoại đạo cũng nói trời tự tại thù Thắng v.v... sinh ra các pháp. Nay Đức Phật chỉ dùng tên khác để nói về duyên khởi, chẳng có nghĩa khác.

33. Vạn hỏi rằng lời Như lai nói giống như ngoại đạo:

“Thế tôn! Ngoại đạo cũng nói do tác giả... cho đến vốn không mà

sinh, sinh rồi lại diệt”: Ở đây vặn hỏi rằng lời Như lai nói giống như ngoại đạo.

“Như Phật nói vô minh duyên hành... cho đến vì thế ngoại đạo nói thắng chẳng phải Như lai”. Nói Như lai nói trong mười hai nhân duyên, vô minh không có nhân, chẳng phải có nhân, lại nói vô minh có cho nên hành có, hành có nên thức có, chẳng phải dần dần thứ lớp đối đãi nhau, nghĩa ấy không thành. Lại, vặn hỏi Như lai nói duyên khởi không như ngoại đạo, cho nên nói ngoại đạo nói thắng, chẳng đồng với Như lai.

34. Lời Như lai nói không giống như ngoại đạo:

“Vì sao ngoại đạo nói nhân... cho đến lại vì đây có nên kia có, cho nên không có nhân”. Vì sao ngoại đạo thắng Như lai! Nghĩa là kia nói hạt cát bụi là nhân của thế tánh v.v... không từ nơi khác duyên sinh, mà sinh được vật khác, nhân thường làm nhân không làm quả, vì vậy cho nên ngoại đạo nói thắng. Như Phật nói quán hành là quả của vô minh, quán thức vừa là nhân, một pháp này vừa là nhân, vừa là quả, nhân duyên rối loạn. Vô minh sinh các hành, các hành sinh già chết, già chết sinh vô minh xoay vần như vậy, thành lỗi vô cùng. Lại vì, đây có cho nên kia có, thì không có nhân chắc chắn, do hai nghĩa này giải thích lời Như lai nói không giống như ngoại đạo.

35. Các pháp chỉ do tâm hiện:

Phật bảo Nay Đại Tuệ! Ta hiểu rõ các pháp chỉ do tâm hiện... cho đến chẳng phải lời ta nói”. Nghĩa là hiểu rõ các pháp chẳng phải từ hữu vô sinh, chỉ do tâm hiện, cho nên không nói pháp nhân duyên lỗi lầm. Nếu không biết rõ các pháp như vậy, thấy cảnh ngoài tâm chấp đắm có không, tất cả lời nói đều thành nói suông.

36. Nhân quả của lời nói:

“Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn!... cho đến Nếu không có các pháp thì nói năng do đâu mà sinh”: Có danh từ nhân duyên lời nói thì phải có các pháp nhân duyên lời nói. Nếu không có tánh nhân duyên lời nói thì lời nói do đâu mà sinh.

“Này Đại Tuệ! Tuy không có các pháp... cho đến có các pháp thì lý luận sẽ hoại”: Nói tất cả pháp chỉ có lời nói, đều không thật nghĩa, cho nên dẫn lông rùa, rừng thỏ để ví dụ, để nói dù có tự tánh lời nói, cũng không nói tự tánh các pháp.

“Này Đại Tuệ! Chẳng phải tất cả cõi Phật đều có lời nói, lời nói đều là giả an lập”: Đây lại nói rõ tánh lời nói cũng không. Cho nên luận Khởi Tín chép: Vì tất cả lời nói giả danh không thật, chỉ tùy tâm vọng

hiện không thật có. Nếu nói năng có tánh thì tất cả cõi nước lẽ ra đều có lời nói.

“Này Đại Tuệ! Hoặc có cõi Phật chỉ nhìn mà hiển bày pháp... cho đến chẳng phải do nói năng mà có các pháp”: Ở trên giải thích chẳng phải tất cả các cõi đều có nói năng để diễn tả pháp, vì vậy cho nên không có lời nói tự tánh.

37. Loài vật không có lời nói:

“Thế giới này sâu bọ, kiến, ong v.v... tuy không có nói năng mà mỗi loài đều làm việc xong xuôi”: Ở trên giải thích nói năng là giả lập không thật. Nói thấy kẻ ngu đây không biết các loài kiến ong, cho nên tạo nói năng để giải rõ pháp tướng. Cho nên kinh trên chép: Có các lời nói, đều do kẻ ngu mong muốn chấp sinh, cũng nói các loài trùng nhỏ nhít không có lời nói, mà mỗi loài đều làm việc xong xuôi.

“Khi ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng: Thử hư không sừng thỏ, con của gái bất dục, không mà có lời nói, vọng chấp pháp như thế”. Trên nói ba vật đều không có thể tánh, chỉ có nói năng vọng chấp các pháp, gọi thật tự tánh cũng vậy.

“Đối nhân duyên hòa hợp, kẻ ngu vọng cho là sinh, không thể hiểu như thật, trôi lăn trong ba cõi”.

38. Có Phật hay không Phật, tánh tướng vẫn thường trụ:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ... cho đến thường thanh đã nói nương vào chỗ nào còn nói?” Vì ở trên Phật dạy lời nói được đều không có tự tánh, cho nên không có pháp nhân duyên, vì thế Đại Tuệ nêu các kinh Phật tự nói mười hai nhân duyên, có Phật không Phật, tánh tướng vẫn thường trụ. Cho nên hỏi nếu âm thanh là thường thì nương vào đâu mà nói.

“Phật dạy Này Đại Tuệ! Nương vào pháp vọng mà nói vì các pháp vọng bậc Thánh cũng hiện nhưng không điên đảo”. Nói tức nói pháp luống dối là thường. Vì người ngu chấp thấy pháp nhân duyên, luống dối chấp cho là thật, khởi kiến chấp sinh diệt. Nói năng Như lai ở đây tức là thường, vì pháp vọng kia các Thánh cũng hiện, nhưng không sinh khởi hữu vô điên đảo.

39. Cảnh là một nhưng thấy có khác nhau:

“Này Đại Tuệ! Thí như dương diệm, vòng lửa xoay tròn, tóc xoắn... cho đến người có trí không phải như thế, chẳng phải không hiện”. Bấy ví dụ này nói cảnh là một mà thấy có khác nhau.

“Này Đại Tuệ! Pháp vọng hiện thì có vô lượng khác nhau... cho đến tất cả người ngu hiểu theo nhiều cách khác nhau”: Kia khi pháp luống dối hiện ra, tuy có vô lượng sự khác nhau, như trăng đáy nước,

nhưng chẳng phải vô thường. Vì sao không phải là vô thường, vì nói pháp luống dối lia hữu vô. Chẳng phải vô thường làm sao lia chỗ hữu vô mà sinh khởi? Kiến chấp luống dối nghĩa là các thứ cảnh giới của những người ngu là lia chỗ hữu vô, mà khởi lên các kiến giải luống dối.

40. Bạc Thánh lia điên đảo:

“Như nước sông Hằng kia có loài thấy có loài không thấy... cho đến các bạc Thánh đối với pháp vọng lia kiến chấp điên đảo”. Như nước sông Hằng, ngọc quý thấy là lửa, vật không phải lửa mà thấy là lửa, tức là thấy các thứ mình ưa thì người không thấy, thí như người ngu chỗ không luống dối thấy luống dối tức là thấy các thứ mà bạc Thánh không thấy. Vì vậy cho nên các bạc Thánh đối với pháp luống dối, đều lia kiến chấp điên đảo hữu vô.

“Này Đại Tuệ! Pháp vọng là thường... cho đến cho nên thể của pháp vọng kia là thường”: Nói các pháp vọng là chân thường, không có các tướng khác thật có, do kẻ ngu vọng tưởng phân biệt nói có khác.

“Này Đại Tuệ! Vì sao gọi pháp vọng là chân thật... cho đến chẳng phải lời bạc Thánh nói”: Có chút ít phân tưởng nghĩa là sinh tâm động niệm, niệm thì trái với pháp thể, do đó mất chánh niệm, đã mất chánh niệm thì chẳng phải là hý luận của kẻ ngu ư!

“Này Đại Tuệ! Nếu phân biệt pháp vọng là đảo và chẳng phải đảo... cho đến chủng tánh phàm phu”. Nếu kẻ ngu phân biệt duyên khởi pháp vọng là đảo, chẳng phải đảo thì có hai chủng tánh khác nhau.

“Này Đại Tuệ! Thánh chủng tánh, lại có ba thứ... cho đến chấp đắm tự tướng, cộng tướng”: Kẻ ngu kia quán sát pháp vọng, chấp tự tướng, cộng tướng khởi chủng tánh Thanh văn thừa.

41. Chủng tánh có ba thứ:

“Này Đại Tuệ! Vì sao lại có kẻ ngu... cho đến xa lia hoặc loạn”: Tức hàng Thanh văn kia quán luống dối chấp đắm pháp tự tướng, cộng tướng, xa lia chấp đắm, khởi chủng tánh duyên giác thừa.

“Này Đại Tuệ! Vì sao gọi là người trí phân biệt pháp vọng... cho đến không có pháp ngoài”. Người trí quán thật tướng pháp vọng này, hiểu rõ năng kiến sở kiến kia từ tâm hiện khởi, không có ngoài pháp vọng tưởng hữu vô, khởi chủng tánh Phật thừa.

“Này Đại Tuệ! Có những người ngu phân biệt pháp vọng... cho đến đây là thành tựu sinh tử thừa tánh”. Đây giải thích chủng tánh hạng ngu phu thứ hai. Nói người ngu đối với pháp vọng này chấp các sự tánh tướng, quyết định chấp có thật ngã thật pháp, khởi chủng tánh thừa sinh tử.

42. Sự vật trong pháp vọng chẳng phải tức vật, chẳng phải không vật:

“Này Đại Tuệ! Các sự vật trong pháp vọng kia chẳng phải tức là vật, cũng chẳng phải không là vật”: Ý nói pháp luống dối này lia hữu lia vô, đó gọi là ba thừa và chủng tánh phàm phu.

“Này Đại Tuệ! Đối với pháp vọng kia các bậc Thánh trí... cho đến đều lia tất cả vọng tưởng phân biệt”: Đây là giải thích lại chủng tánh thành Phật thừa, lời văn rất dễ hiểu.

Hỏi rằng: Ở trên nói pháp vọng là thường, do phân biệt vọng tưởng nên chẳng khác nhau, nghĩa là ngay nơi chân như mà kẻ ngu phân biệt gọi là pháp vọng, đây nói tức là thói quen của pháp vọng kia chuyển y, tức vọng này gọi là chân như. Pháp vọng này tức là chân như không còn pháp vọng, do ai luận bàn về tức ấy ư!

Đáp rằng: Như người không biết nước, chỉ bằng nói là nước, chỉ nước là băng thì chỉ có tên gọi đâu có hai vật để nói về tức nhau, cũng như một hạt châu để dưới bóng mặt trăng thì sinh nước, hưởng về mặt trời thì sinh lửa, không hưởng thì không sinh nước lửa, một vật không hề có hai, mà có nước và lửa khác nhau. Pháp môn nhất tâm cũng giống như vậy. Ở phàm phu thì chân như gọi là pháp vọng, ở bậc Thánh thì pháp vọng gọi là chân như. Tình chấp phàm, Thánh hết, chấp chân vọng mất thì đâu còn gì để gọi tên.

43. Như lai là có hay không:

“Đại Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật! Bạch Đức Thế Tôn! Nói pháp vọng là có hay không” Ở trên nêu ba thừa, phàm phu đồng quán pháp vọng, để hỏi Như lai là có hay không.

“Phật dạy: Tưởng như huyễn không chấp đắm... cho đến như ngoại đạo nói, tác giả sinh”: Ý nói pháp vọng như huyễn, không thể dùng hữu vô mà chấp đắm, nếu chấp đắm có tánh tướng, tức là chân thật không thể chuyển, thì các duyên khởi pháp vọng, lẽ ra đồng ngoại đạo chấp từ hữu vô sinh ra tất cả pháp.

“Đại Tuệ lại bạch: Nếu pháp vọng đồng như huyễn, thì sẽ làm nhân cho các hoặc khác”: Nếu các pháp vọng đồng như huyễn thì huyễn này lẽ ra làm nhân cho pháp vọng của phàm phu, đời sau sẽ chiêu cảm quả báo khác.

44. Chẳng phải huyễn làm nhân cho vọng hoặc:

“Phật bảo Này Đại Tuệ! Chẳng phải các việc huyễn... cho đến vì các việc huyễn không có phân biệt”. Chẳng phải huyễn làm nhân cho vọng hoặc, do huyễn không thật không khởi lỗi ác và phân biệt. Nếu

khởi các lỗi, sinh ra phân biệt thì đó là làm nhân, cho nên chẳng làm nhân cho các vọng khác.

“Này Đại Tuệ! Việc huyền là từ các minh chú khác... cho đến chẳng phải các bậc Thánh”: Ở đây nói pháp vọng như huyền, nếu tâm tưởng chấp đắm thì chỉ là kẻ ngu.

“Khi ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng: Thánh chẳng thấy pháp vọng, khoảng giữa cũng không thật, vì vọng tức chân nên trung gian cũng chân thật”: Hai câu trên là nói bậc Thánh biết thể của vọng hoặc là không thật, cho nên không chấp đối với pháp vọng, hai câu dưới nói quán thật tánh của pháp vọng, vọng hoặc tức là chân thật.

45. Các pháp lìa vọng huyền không còn tương tự:

“Nếu lìa pháp vọng, mà có tướng sinh thì đây cũng là vọng, như mắt bị màng che chưa thanh tịnh, lại nữa, Này Đại Tuệ! Thấy các pháp chẳng phải huyền... cho đến nên nói tất cả các pháp như huyền”: Ý nói các pháp vọng lìa huyền lại không còn tương tự, cho nên nói tất cả pháp như huyền.

“Đại Tuệ bạch Thế tôn! Vì nương chấp đắm... cho đến đây là chấp đắm tướng điên đảo!”. Lại nói lìa huyền không còn tương tự, vì chấp đắm các tướng huyền nói như huyền ư? Hay vì nương theo đây mà chấp đắm tướng điên đảo nói là như huyền ư!

“Nếu nương chấp đắm các tướng huyền... cho đến thấy các thứ sắc tướng chẳng phải vô nhân”. Nếu chấp huyền tướng cho rằng các pháp đều như huyền, còn có pháp tức chẳng phải như huyền, cho nên nói chẳng phải tất cả pháp đều như huyền, vì sao không như huyền thấy sắc tướng trời, người, nam nữ chẳng phải vô nhân, cũng chẳng phải do chú thuật mà khởi, cho nên không như huyền.

46. Tất cả các pháp như huyền:

“Thế Tôn! Điều không có nhân... cho đến nói tất cả pháp tương tự với huyền”. Nói điều không có nhân riêng làm cho các sắc tướng khác nhau hiển hiện, có thể nói như huyền, vì vậy không thể chấp huyền tướng tương tự, nói tất cả các pháp như huyền.

“Phật bảo Này Đại Tuệ! Không nương chấp đắm... cho đến không thật, mau biến mất như tia chớp cho nên nói như huyền”. Chẳng phải tướng huyền có nhiều thứ, trời, người có nhiều thứ, hai pháp tương tự. Nói tất cả pháp như huyền, vì tất cả pháp đương thể không thật, liền khởi liền diệt, như tia chớp kia, cho nên nói như huyền.

“Này Đại Tuệ! Thí như tia chớp lóe lên rồi liền tắt mất... cho đến mà vọng chấp đắm các sắc tướng”. Thí như ánh chớp lóe lên trong

khoảng sát-na, lóe lên rồi liền tắt mất, nhanh chóng vô thường, thế gian hiện thấy, hợp với các pháp, nương vọng tưởng tự tâm hiện cũng như vậy. Chẳng thể quán sát không thật chẳng phải hữu mà khởi chấp đắm tự sắc tướng, cộng sắc tướng.

“Khi ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng: Chẳng huyễn, vô tướng tự, cũng chẳng có các pháp, chẳng thật, mau như chớp, cho nên nói như huyễn”. Hai câu tụng trên nói chẳng phải huyễn, không có tướng tự, cho nên nói tất cả pháp như huyễn, hai câu tụng dưới là là đáp.

47. Lời nói của Phật trước sau có trái nhau không?

“Lúc ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật... cho đến chẳng phải nói trước sau trái nhau”: Đại Tuệ do Đức Phật trước nói tất cả pháp không sinh, nay lại nói không thật, mà như ánh chớp, nói tất cả các pháp như huyễn, cho nên nói lời Thế Tôn nói trước sau tự trái nhau.

“Phật bảo Này Đại Tuệ! Không có trái nhau... cho đến vì bác bỏ ngoại đạo chấp nhân sinh nên ta nói vô tánh vốn không sinh”. Do biết rõ các pháp chỉ tự tâm hiện, thì biết sinh vốn vô sinh. Long Thắng nói: Các pháp không tự sinh, cũng không từ nơi khác sinh, không cộng, không vô nhân, cho nên biết vô sinh, do đây mà quán sát pháp ngoài hữu vô đều vô tự tánh, cho nên vốn bất sinh.

“Này Đại Tuệ! Vì muốn lia nghĩa nhân sinh của ngoại đạo... cho đến chẳng phải hữu vô sinh nên gọi là vô sinh”. Ngoại đạo chấp tác giả làm nghĩa nhân sinh, nghĩa là từ hữu vô sinh tất cả pháp, nghĩa là có hạt giống, tức tự tại cát bụi v.v... là nhân năng sinh. Vô là vô hạt giống, tức hư không tự nhiên v.v... Sinh, không nói từ tự tâm vọng tưởng sinh, cho nên ta nói tất cả pháp khác với ngoại đạo chấp vô nhân, tà nhân sinh, nên gọi là vô sinh.

48. Sinh tử nối nhau là do nhân duyên bên trong:

“Này Đại Tuệ! Nói các pháp... cho đến vì ngăn dứt kiến chấp có không đoạn diệt”. Phật bảo Này Đại Tuệ! Ta nói các pháp chẳng phải hữu vô sinh, chỉ do tự tâm phân biệt làm duyên, khiến thọ hóa là biết tất cả pháp tuy không có tác giả nhưng nghiệp không mất, cho nên nhiếp thọ hai thứ sinh tử, ngăn dứt tà kiến, đoạn diệt, hý luận kia vì thế Thức luận chép: Sinh tử nối nhau là do nhân duyên bên trong chứ không đợi duyên bên ngoài, cho nên chỉ có thức nhân, nghĩa là hai nghiệp hữu lậu vô lậu, chiêu cảm sinh tử. Duyên nghĩa là phiền não chướng và sở tri chướng, giúp cho sự chiêu cảm sinh tử. Vì sao? Vì sinh tử có hai: 1. Phần đoạn sinh tử, nghĩa là các nghiệp hữu lậu lành, không lành do phiền não chướng trợ duyên thế lực, chiêu cảm quả dị thực thô trong ba cõi, thân

mạng ngăn dài tùy năng lực nhân duyên mà có kỳ hạn chắc chắn, cho nên nói phần đoạn sinh tử. 2. Bất tư nghị biến dịch sinh tử, nghĩa là các nghiệp vô lậu có phân biệt do sở tri chướng duyên trợ thế lực, chiêu cảm quả dị thực nhỏ nhiệm thù thắng, do nguyện lực từ bi sửa đổi thân mạng nên kỳ hạn không chắc chắn, cho nên gọi là biến dịch. Diệu dụng khó lường gọi là bất tư nghị. Kinh chép: Vô ngã không tạo không thọ, nghiệp thiện ác cũng không, chẳng lẽ đồng với ác kiến đoạn diệt luận hay sao? Đoạn trên Như lai đã nói ý vô sinh rồi, đoạn dưới vẫn nói như huyễn à đáp lại nghĩa không trái nhau.

49. Chỗ trụ như thật là vô sở trụ:

“Này Đại Tuệ! Nói các pháp tướng giống như huyễn... cho đến tất cả các pháp chỗ trụ như thật”. Chỗ trụ như thật là vô sở trụ nên gọi là như thật trụ. Đây là chỗ sở chứng của bậc Thánh trí tự giác, vô sư trí, tự nhiên trí, không do người khác mà ngộ được. Nếu có chỗ trụ thì gọi là phi trụ.

“Này Đại Tuệ! Thấy chỗ như thật tất cả pháp ấy thì sẽ thông đạt duy tâm sở hiện”. Từ vô trụ vốn lập tất cả pháp, chẳng hiểu chỉ tự tâm ấy đâu thể thấy rõ ư! Vì vậy cho nên Đức Như lai nói các pháp không sinh như huyễn chẳng có trái nhau.

50. Các pháp tánh tướng như huyễn nên không có tướng để đắc:

“Khi ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng: Vô tác nên vô sinh, hữu pháp thuộc sinh tử, rõ suốt như huyễn thấy, đối tượng không phân biệt”. Vì tánh vô tác nên nói vô sinh, vì ngăn dứt chấp đoạn cho nên nói nghiệp tánh thuộc sinh tử, quán các pháp tánh tướng như huyễn nên không có tướng để đắc, cho nên xa lìa duyên khởi phân biệt.

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Ta sẽ nói... cho đến lại có khả năng khai ngộ tất cả chúng sinh”: Vì ở trên Như lai vì chúng sinh nên từ bi phương tiện nói các thứ khác nhau muốn cho chúng sinh hiểu rõ nghĩa chân thật trong danh cú, chớ chấp lời nói, cho nên nói danh cú văn thân, bảo các Bồ-tát hãy quán cho thông suốt nghĩa thú của tướng này, thì mau chứng đắc Bồ-đề, lại nhờ đó mà khai giác cho chúng sinh, vậy nên biết pháp này không phải hình tướng lời nói, chẳng phải lìa hình tướng lời nói. Nếu không có lời nói hình tượng nên mê hoặc đảo điên, chấp lời nói mà quên chân, cho nên bậc Thánh lập ra hình tượng giáo hóa, chẳng lẽ luống uổng ư!

51. Danh thân cú thân, văn thân:

“Này Đại Tuệ! Danh thân nghĩa là tùy theo sự việc mà đặt tên... cho đến đó gọi là danh thân, như nương vào các vật làm ra bình chén,

rồi đặt tên là bình chén v.v... Nghĩa là một tên hai tên ba tên cho đến nhiều tên năng thuyên tự tánh, gọi là danh thân. Nói cú thân... tức nhân tên mà thành câu, do câu mà hiển nghĩa. Như bình đồng thiết... cú nghĩa đều khác nhau, nghĩa là một câu, hai câu, nhiều câu có công năng giải thích khác nhau. Tên gọi cú thân do ở văn này có khả năng thành danh cú, nghĩa là một chữ, hai chữ, nhiều chữ làm hai chỗ nương gọi là văn thân. Nếu theo bản dịch xưa dịch là vị, chỉ là sở hiển chẳng phải năng hiển. Thân là nghĩa nhiều pháp gom nhóm.

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Cú thân, nghĩa là cú sự rốt ráo... cho đến nghĩa là dài ngắn cao thấp”. Dưới đây là nói lại nghĩa khác. Cú thân, nghĩa là cú sự rốt ráo, là nếu có văn thì sẽ có danh, chưa chắc có cú, nếu có cú thì sẽ có danh và văn, cho nên nói cú sự rốt ráo. Danh thân, nghĩa là các tên gọi đều khác nhau, như từ chữ “A” cho đến chữ “Ha”, như bốn mươi âm chữ A, Ha v.v... đều mới đầu ngắn kể là dài, cao thấp cũng giống như vậy, cho nên tiếp tục nói văn thân, nghĩa là dài ngắn cao thấp, tức âm vận uyển chuyển dài ngắn cao thấp. Vì danh cú phải nương vào văn tự mà lập.

